

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 79/2023/TLST – DS ngày 04 tháng 8 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh H, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Đồng bị đơn: Ông M, sinh năm 1971 và bà Nh, sinh năm 1975; người đại diện theo ủy quyền của ông M là bà Nh; cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị N, sinh năm 1989; người đại diện theo ủy quyền của chị N là anh H; cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về việc thanh toán tiền:

Ông M và bà Nh thừa nhận nợ vay của anh H và chị N, cụ thể: Ngày 23/01/2022 vay 39.000.000 đồng; ngày 10/11/2022 vay 30.000.000 đồng; ngày 11/11/2022 vay 10.000.000 đồng, tổng cộng 79.000.000đ (Bảy mươi chín triệu đồng). Ông M và bà Nh phải trả cho anh H và chị N số tiền 79.000.000đ (Bảy mươi chín triệu đồng) vào ngày 15/11/2023.

+/- Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông M và bà Nh với anh H và chị N: Nếu ông M và bà Nh chậm trả tiền cho anh H và chị N theo thời gian xác định trên thì phải trả lãi 10%/năm/số tiền nợ chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông M và bà Nh chịu trách nhiệm nộp 1.975.000đ (Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Anh H được nhận lại 1.975.000đ (Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003009 ngày 04/8/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- Người liên quan;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo